

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 964/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 17 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc
phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải
(thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Thuận)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế hoạt động của thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Thuận;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 11/TTr-VPUB ngày 11 tháng 6 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải (thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Ninh Thuận).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Giao thông vận tải căn cứ Danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh niêm yết, công khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lưu Xuân Vĩnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(THỰC HIỆN TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH)**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực đường bộ			
1	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Không	Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
2	Cấp lại Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn, bị mất hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép.	- Đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định; - Đối với trường hợp Giấy phép bị mất: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -
3	Cấp phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt.	- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại tỉnh Ninh Thuận: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định; - Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc tỉnh Ninh Thuận: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
4	Cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
5	Cấp phù hiệu xe nội bộ.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
6	Cấp lại phù hiệu xe nội bộ.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
7	Cấp phù hiệu xe trung chuyển.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
8	Cấp lại phù hiệu xe trung chuyển.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
9	Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công bố đúng theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -
10	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	- Như trên -	- Như trên -
11	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
12	Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
13	Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
14	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô.	- Trường hợp chỉ có 01 doanh nghiệp đăng ký: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định; - Trường hợp có từ 02 doanh nghiệp trở lên đăng ký trùng tuyến và trùng giờ xe chạy: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, tổ chức lựa chọn theo quy định tại Thông tư số 92/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.	- Như trên -	- Như trên -

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
15	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia.	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp Giấy phép ra văn bản chấp thuận.	- Như trên -	- Như trên -
16	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam.	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp phép cấp Giấy phép.	- Như trên -	- Như trên -
17	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
18	Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia.	Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	- Như trên -	- Như trên -
19	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia đối với phương tiện vận tải phi thương mại là xe của các cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước, Văn phòng các Bộ, các đoàn thể và các tổ chức quốc tế, đoàn ngoại giao, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, đoàn thể, các tổ chức sự nghiệp; xe do doanh nhân ngoại quốc tự lái: phương tiện sử dụng bởi người có hộ chiếu của nước thứ ba cấp (hộ chiếu không phải của Việt Nam hoặc Campuchia) đóng trên địa bàn tỉnh.	01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
20	Gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam cho phương tiện của Campuchia tại Việt Nam	01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Như trên -	- Như trên -
21	Cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện.	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -
22	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
23	Gia hạn Giấy phép liên vận Việt - Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào.	01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	- Như trên -	- Như trên -
24	Gia hạn Giấy phép vận tải và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc.	01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ.	- Như trên -	- Như trên -
25	Gia hạn Giấy phép vận tải đường bộ GMS và thời gian lưu hành cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS tại Việt Nam.	01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -
26	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu.	10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện. - Đóng lại số khung, số máy: 50.000 đồng/lần/phương tiện.	- Như trên -
27	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng.	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký: 50.000 đồng/lần/phương tiện.	- Như trên -
28	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất.	30 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 200.000 đồng/lần cấp/phương tiện (chỉ cấp lại giấy đăng ký 50.000 đồng/lần cấp).	- Như trên -

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
29	Sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân do cùng một Sở Giao thông vận tải quản lý.	05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 200.000 đồng/lần cấp/phương tiện.	- Như trên -
30	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng.	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không	- Như trên -
31	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng di chuyển đến.	07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ.	Cấp đăng ký, biển số: 200.000 đồng/lần cấp/phương tiện.	- Như trên -
32	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn.	07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 200.000 đồng/lần cấp/phương tiện.	- Như trên -
33	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng.	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 70.000 đồng/lần cấp/phương tiện.	- Như trên -
34	Xoá số đăng ký xe máy chuyên dùng.	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Không	- Như trên -
35	Cấp Giấy phép xe tập lái.	Không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Như trên -	Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
36	Cấp lại giấy phép xe tập lái.	Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	- Như trên -	- Như trên -
37	Cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra.	- Như trên -	- Như trên -

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
38	Cấp lại giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.	Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -
39	Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô.	Không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -
40	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác.	Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -
41	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo.	Không quá 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -
42	Cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động.	Không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -
43	Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị; - Đối với trường hợp trung tâm sát hạch lái xe được cấp lại khi bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị. 	- Như trên -	- Như trên -

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
44	Cấp lại Giấy phép lái xe.	<p>- Trường hợp giấy phép lái xe bị mất, sau thời gian 02 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ, chụp ảnh và nộp lệ phí theo quy định thì được xét cấp lại hoặc sát hạch lại;</p> <p>- Không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định hoặc kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.</p>	<p>- Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng.</p> <p>- Phí sát hạch lái xe: Đối với thi sát hạch lái xe mô tô hạng A1, A2, A3, A4: + Sát hạch lý thuyết 40.000 đồng/lần; + Sát hạch thực hành 50.000 đồng/lần.</p> <p>Đối với thi sát hạch lái xe ô tô B1, B2, C, D, E, F: + Sát hạch lý thuyết 90.000 đồng/lần; + Sát hạch thực hành trong hình 300.000 đồng/lần; + Sát hạch thực hành trên đường giao thông công cộng 60.000 đồng/lần.</p> <p><i>(không bao gồm học phí đào tạo lái xe)</i></p>	Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
45	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp.	Không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng.	- Như trên -
46	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
47	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
48	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
49	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
50	Cấp giấy phép lái xe quốc tế.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
51	Cấp lại giấy phép lái xe quốc tế.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
52	Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyên hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.	Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định;	Không	- Như trên -
53	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của Quốc lộ ủy thác Sở Giao thông vận tải quản lý (vận dụng áp dụng cho hệ thống đường bộ do Sở Giao thông vận tải quản lý).	Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -
54	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của Quốc lộ ủy thác Sở Giao thông vận tải quản lý (vận dụng áp dụng cho hệ thống đường bộ do Sở Giao thông vận tải quản lý).	Trong 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Như trên -	Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
55	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của Quốc lộ ủy thác Sở Giao thông vận tải quản lý (vận dụng áp dụng cho hệ thống đường bộ do Sở Giao thông vận tải quản lý).	Không quá 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
56	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của Quốc lộ ủy thác Sở Giao thông vận tải quản lý (vận dụng áp dụng cho hệ thống đường bộ do Sở Giao thông vận tải quản lý).	Không quá 7 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -
57	Gia hạn Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của Quốc lộ ủy thác Sở Giao thông vận tải quản lý (vận dụng áp dụng cho hệ thống đường bộ do Sở Giao thông vận tải quản lý).	Trong 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn gia hạn theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -
58	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối vào Quốc lộ là đường từ cấp IV trở xuống ủy thác Sở Giao thông vận tải quản lý và hệ thống đường tỉnh, đường huyện do Sở giao thông vận tải quản lý.	Trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Như trên -	Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
59	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào Quốc lộ ủy thác Sở Giao thông vận tải quản lý (vận dụng áp dụng cho hệ thống đường bộ do Sở Giao thông vận tải quản lý).	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
60	Cấp phép thi công công trình đường bộ trên quốc lộ ủy thác Sở Giao thông vận tải quản lý (vận dụng áp dụng cho hệ thống đường bộ do Sở Giao thông vận tải quản lý).	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
II Lĩnh vực đăng kiểm				
61	Cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới đường bộ cải tạo.	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	- Giá dịch vụ thẩm định thiết kế xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cải tạo 300.000 đồng/chiếc. - Lệ phí cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo: 50.000 đồng/ 01 Giấy chứng nhận (riêng đối với xe ô tô con dưới 10 chỗ: 100.000 đồng/01 Giấy chứng nhận).	Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 28/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
III Lĩnh vực đường thủy nội địa				
62	Chấp thuận vận tải hành khách ngang sông.	Chậm nhất là 04 ngày làm việc (trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định), kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không	Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
63	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
64	Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa.	Chậm nhất là 05 ngày làm việc trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Như trên -	- Như trên -
65	Cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa.	Chậm nhất là 4 ngày làm việc trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	100.000 đồng.	- Như trên -

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
66	Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa.	Chậm nhất là 02 ngày làm việc trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	100.000 đồng.	- Như trên -
67	Công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.	Chậm nhất là 07 ngày làm việc (trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định), kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không	- Như trên -
68	Công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.	Chậm nhất là 03 ngày làm việc (trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định), kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Như trên -	- Như trên -
69	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (đối với Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa đối với cơ sở loại 4).	Chậm nhất là 08 ngày làm việc trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Như trên -	Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 28/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
70	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (đối với Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa đối với cơ sở loại 4).	- Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ sở đào tạo;	- Như trên -	- Như trên -

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
70 tt	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (đối với Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa đối với cơ sở loại 4).	- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo: trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Như trên -	- Như trên -
71	Dự thi, kiểm tra lấy giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba, chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề) và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc Sở Giao thông vận tải.	Trong vòng 08 ngày trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định, kể từ ngày ra quyết định công nhận kết quả thi.	<ul style="list-style-type: none"> - Sát hạch cấp chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba: 190.000 đồng/lần - Sát hạch cấp chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng hạng ba: 140.000 đồng/lần. - Cấp mới, cấp lại chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng: 50.000 đồng/lần; - Cấp mới, cấp lại chứng chỉ chuyên môn: 20.000 đồng/lần. - Cấp mới, cấp lại chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng; chứng chỉ chuyên môn bằng công nghệ mới (bằng vật liệu PET): 135.000đồng/lần. 	Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
72	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề), chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải.	Trong vòng 04 ngày trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	- Cấp mới, cấp lại chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng: 50.000 đồng/lần; - Cấp mới, cấp lại chứng chỉ chuyên môn: 20.000 đồng/lần. - Cấp mới, cấp lại chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng; chứng chỉ chuyên môn bằng công nghệ mới (bằng vật liệu PET): 135.000đồng/lần.	- Như trên -
73	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa.	Chậm nhất là 3 ngày làm việc (trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	70.000 đồng.	- Như trên -
74	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
75	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
76	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
77	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
78	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
79	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
80	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.	Chậm nhất là 2 ngày làm việc (trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Như trên -	- Như trên -
81	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.	Chậm nhất là 2 ngày làm việc (trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Không	- Như trên -
82	Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa.	Chậm nhất là 07 ngày làm việc trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Như trên -	- Như trên -
83	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa.	- Chậm nhất là 10 ngày làm việc trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài).	100.000 đồng	- Như trên -

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
83 tt	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa.	- Chậm nhất là 05 ngày làm việc trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài).	100.000 đồng	- Như trên -
84	Công bố lại cảng thủy nội địa.	- Chậm nhất là 06 ngày làm việc trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài). - Chậm nhất là 03 ngày làm việc trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài).	100.000 đồng	- Như trên -
85	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương.	Chậm nhất là 10 ngày làm việc (trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định), kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không	- Như trên -
86	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình trên tuyến đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.	Chậm nhất là 05 ngày làm việc (trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định), kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Như trên -	- Như trên -

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
87	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với thi công công trình liên quan đến đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
88	Chấp thuận điều chỉnh phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với thi công công trình liên quan đến đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
89	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp thi công công trình (trừ trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương).	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
90	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa (trừ trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương).	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
91	Chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế.	Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Như trên -	- Như trên -

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
92	Phê duyệt hồ sơ đề xuất dự án thực hiện đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách Nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa.	<p>- Chậm nhất 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Sở Giao thông vận tải báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ đề xuất thực hiện dự án theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án.</p> <p>- Chậm nhất 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản chấp thuận gửi Sở Giao thông vận tải và nhà đầu tư.</p>	- Như trên -	- Như trên -
93	Chấp thuận đơn vị tư vấn giám sát dự án thực hiện đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách Nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa.	Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ năng lực của đơn vị tư vấn giám sát.	- Như trên -	- Như trên -
IV	Lĩnh vực hàng hải			
94	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định bằng tàu khách cao tốc đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam.	Trong vòng 05 ngày, trừ ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Không	Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.
95	Chấp thuận cho tàu khách cao tốc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo hợp đồng chuyến.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
96	Chấp thuận cho tàu khách cao tốc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi không có mục đích kinh doanh.	- Như trên -	- Như trên -	- Như trên -
97	Phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa	Nếu hồ sơ hợp lệ thì chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ ý kiến phải có văn bản phê duyệt phương án đảm bảo an toàn giao thông, trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.	- Như trên -	Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.
98	Chấp thuận vị trí đổ chất nạo vét trên bờ đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa	Trong thời gian 15 ngày làm việc, trong đó: Thời gian giải quyết tại Sở Giao thông vận tải là 10 ngày làm việc; thời gian giải quyết tại UBND tỉnh là 05 ngày làm việc.	- Như trên -	- Như trên -
Tổng số: 98 TTHC				

VĂN PHÒNG UBND TỈNH NINH THUẬN XUẤT BẢN

Địa chỉ: số 450 đường Thống Nhất
Điện thoại: 068.3821538 - Fax: 068.3821538
Email: congbao@ninhthuan.gov.vn
Website: www.ninhthuan.gov.vn
In tại: Công ty cổ phần In Ninh Thuận